TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **4698**/2024/DS-ST
Ngày: 27-09-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thanh Giàu

2. Ông Phạm Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Võ Hồng D - Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 729/2024DS ngày 08/4/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4841/2024/QĐXXST-DS ngày 02/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7429/2024/QĐST-DS ngày 30/8/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S
Trụ sở: 266-268 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh
Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Nhật Kinh K, sinh năm 1987
Địa chỉ liên lạc: B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh
(Văn bản ủy quyền số 3830/2024/UQ-TGĐ ngày 22/5/2024)

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1985
Hộ khẩu thường trú: 86 Đ, Tổ C, Khu phố F, phường P, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh
Cư trú: 12/9/2 Đường C, Khu phố B, phường P, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 19/03/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Nhật Kinh K là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng S) và bà Nguyễn Thị Kim P có ký Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 31/05/2011 + Bản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S (Sau đây gọi tắt là Hợp đồng sử dụng thẻ ngày 31/05/2011), nội dung: Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 30.000.000 đồng; Mục đích: tiêu dùng cá nhân; Lãi suất 2.6%/tháng

Sau khi được cấp thẻ, bà P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 232.830.059 đồng và đã thanh toán tổng cộng gốc, lãi, phí là 294.859.828 đồng. Do bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng thời hạn dù Ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần nên ngày 26/4/2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà P và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà P trả tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 28/6/2024 là 70.962.817(gồm: gốc 34.896.847lãi quá hạn 36.065.970 đồng). Lãi tiếp tục tính từ ngày 29/6/2024 cho đến khi bà Nguyễn Thị Kim P thanh toán hết nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim P: Dù đã được Tòa án tống đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có văn bản xác định tổng số tiền Ngân hàng yêu cầu bà P phải thanh toán tính đến ngày 27/9/2024 là 75.091.123 đồng, trong đó: gốc 34.896.847đồng; lãi quá hạn 40.194.276 đồng. Lãi tiếp tục tính từ ngày 28/9/2024 cho đến khi bà P thanh toán hết nợ. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng S yêu cầu bà P thanh toán số tiền vay còn nợ và bà P cư trú tại Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông K là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông K và bà P.

[3] Về nội dung vụ án:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 31/5/2011 kèm bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được ký giữa bà Nguyễn Thị Kim P và Ngân hàng S; Bảng tóm tắt sao kê tài khoản và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì đủ cơ sở kết luận: Việc ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng giữa bà P và Ngân hàng S là có thật, tự nguyện, phù hợp với các quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và có giá trị pháp lý ràng buộc giữa các bên. Theo đó: Ngân hàng S đã cấp cho bà P 01 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 30.000.000 đồng; Mục đích: tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, bà P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 232.830.059 đồng và đã thanh toán tổng cộng gốc, lãi, phí là 294.859.828. Từ ngày 25/02/2022, bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ dù Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu thanh toán nợ. Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà P và chuyển toàn bộ dư nợ sang thành vốn gốc mới và tính lãi theo mức lãi suất quá hạn là 3.9%/tháng từ ngày 26/04/2022. Tính đến ngày 27/9/2024, tổng số tiền bà P còn nợ là 75.091.123 đồng, trong đó: gốc 34.896.847đồng; lãi quá hạn 40.194.276 đồng.

Tòa án đã tống đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà P vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét, việc bà P không thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng S là vi phạm thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 31/5/2011 kèm Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và các quy định của pháp luật.

Căn cứ các điều 22, 23 và Điều 24 Bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Các điều 91, 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S, buộc bà P thanh toán cho Ngân hàng S một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền vay còn nợ tính đến ngày 27/9/2024 là 75.091.123 đồng, trong

đó: gốc 34.896.847đồng; lãi quá hạn 40.194.276 đồng. Lãi tiếp tục tính từ ngày 28/9/2024 cho đến khi bà P thanh toán hết nợ gốc.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 3.754.556 đồng.

H lại cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 91, 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Bà Nguyễn Thị Kim P có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền vay còn nợ tính đến ngày 27/9/2024 là 75.091.123 (Bảy mươi lăm triệu không trăm chín mươi mốt nghìn một trăm hai mươi ba) đồng, trong đó:

Gốc: 34.896.847đồng

Lãi quá hạn: 40.194.276 đồng.

Lãi tiếp tục tính từ ngày 28/9/2024 cho đến khi bà Nguyễn Thị Kim P thanh toán hết nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 31/5/2011. Trường hợp trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 31/5/2011, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Kim P phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng S theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm 3.754.556 (Ba triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi sáu) đồng, bà Nguyễn Thị Kim P chịu. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

H lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 1.551.777 (Một triệu năm trăm năm mươi mốt nghìn bảy trăm bảy mươi bảy) đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0026042 ngày 03/4/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thúy Quỳnh